* Đề nghị bổ sung:

1. Các Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các Cục, Vụ, Thanh tra, Văn phòng (Vụ Tổ chức cán bộ).

2. Quyết định ban hành tiêu chuẩn khoa học công nghệ của ngành (Vụ Khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm)./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Thứ trưởng

NGUYỄN VĂN ĐẲNG

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 172/2000/QĐ-BTC ngày 01/11/2000 về việc ban hành Quy định về mã số đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 20/3/1996 và Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước số 06/1998/QH10 ngày 20/5/1998 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng - Trưởng Ban Quản lý ứng dụng tin học, Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mã số đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hệ thống mã số đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước sẽ được sử dụng thống nhất trong cả nước bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 năm 2002.

Điều 3. Các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Quốc hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan Đảng, cơ quan Trung ương các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Tài chính

NGUYỄN SINH HÙNG

QUY ĐỊNH về mã số đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước

(ban hành kèm theo Quyết định số 172/2000/QĐ-BTC ngày 01/11/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

là đơn vị dự toán cấp I, II, III và đơn vị dự toán cấp dưới của cấp III thuộc ngân sách trung ương và các cấp ngân sách tỉnh, huyện, xã đều phải thực hiện đăng ký và kê khai với cơ quan tài chính để được cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Các đơn vị thuộc cấp ngân sách xã và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đặc biệt như Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, cơ quan Đảng các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đặc biệt khác thuộc diện được cấp mã số nhưng không phải đăng ký, kê khai cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và các chỉ tiêu quản lý.

Điều 2. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước là một dãy số được quy định theo một nguyên tắc thống nhất để cấp cho từng đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước được sử dụng để nhận diện đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, kèm theo các chỉ tiêu quản lý của từng đơn vị nhằm phục vụ việc quản lý ngân sách nhà nước. Mỗi đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước chỉ được cấp một mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước duy nhất trong suốt quá trình hoạt động từ khi thành lập đến khi chấm dứt hoạt động. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp sẽ không được sử dụng lại để cấp cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước khác.

Điều 3. Các chỉ tiêu quản lý đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm các chỉ tiêu về vốn ngân sách nhà nước, về tài sản cố định, biên chế tiền lương, và các hoạt động kinh tế - xã hội theo loại hình đơn vị được các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện trong thời gian một năm.

Điều 4. Các đơn vị thuộc diện phải kê khai, đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước tại Điều 1 của Quy định này phải thực hiện kê khai đầy đủ, chính xác các chỉ tiêu theo mẫu "Tờ khai đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước" với cơ quan tài chính để được cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. Khi có sự thay đổi các chỉ tiêu đã đăng ký, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải khai báo ngay với cơ quan tài chính các chỉ tiêu thay đổi này.

Điều 5. Cơ quan tài chính có trách nhiệm tổ chức cung cấp tờ khai đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và hướng dẫn việc kê khai, đăng ký mã số cho các đơn vị thuộc diện phải đăng ký; tổ chức kiểm tra, rà soát tính hợp lệ của các tờ khai đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước của các đơn vị gửi đến; quản lý việc cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thống nhất trong cả nước; cấp "Giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước" cho các đơn vị đã kê khai hợp lệ.

Điều 6. Các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải ghi mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước của mình trên mọi giấy tờ giao dịch, hóa đơn chứng từ, báo cáo liên quan tới việc sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 7. Các Bộ, các cơ quan quản lý Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (các địa phương) có trách nhiệm bổ sung phần ghi mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước của các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý vào hệ thống thông tin quản lý của từng Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương đó, từng bước thực hiện thống nhất việc trao đổi thông tin giữa các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương trong cả nước.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Cấu trúc mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước là một dãy số được quy định theo một nguyên tắc thống nhất để cấp cho từng đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước được chia thành 4 loại như sau:

8.1. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách Trung ương: cấu trúc mã số gồm 12 chữ số bố trí như sau:

$N_1 - N_2N_3N_4 - N_5N_6N_7 - N_8N_9N_{10}N_{11} - K$

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Trong đó:

- Chữ số đầu N_1 là Cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Ba chữ số tiếp theo $N_2N_3N_4$ là Chương ngân sách thể hiện tên đơn vị đứng đầu thuộc Cấp ngân sách (hay còn gọi là đơn vị dự toán cấp I).

- Ba chữ số tiếp theo $N_5N_6N_7$ là số thứ tự của các đơn vị dự toán cấp II thuộc chương $N_2N_3N_4$.

- Bốn chữ số tiếp theo $N_8N_9N_{10}N_{11}$ là số thứ tự của các đơn vị dự toán cấp III, IV, V,..... thuộc chương $N_2N_3N_4$.

- Chữ số cuối cùng K là số kiểm tra. Số kiểm tra được tính theo công thức tại Phụ lục số 1 kèm theo Quyết định này.

8.2. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách tỉnh: cấu trúc mã số gồm 12 chữ số bố trí như sau:

$N_1 - N_2N_3N_4 - N_5N_6N_7 - N_8N_9N_{10}N_{11} - K$

Trong đó:

- Chữ số đầu N_1 là Cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Ba chữ số tiếp theo $N_2N_3N_4$ là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo Quyết định số 28/1998/QĐ-TCTK ngày 24-1-1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

- Ba chữ số tiếp theo $N_5N_6N_7$ là Chương ngân sách thể hiện tên đơn vị đứng đầu thuộc Cấp ngân sách (hay còn gọi là đơn vị dự toán cấp I).

- Bốn chữ số tiếp theo $N_8N_9N_{10}N_{11}$ là số thứ tự của các đơn vị dự toán cấp II, III, IV, ... thuộc chương $N_5N_6N_7$ trên địa bàn tỉnh.

- Chữ số cuối cùng K là số kiểm tra. Số kiểm tra được tính theo công thức tại Phụ lục số 1 kèm theo Quyết định này.

8.3. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách huyện: cấu trúc mã số gồm 12 chữ số bố trí như sau:

$N_1 - N_2N_3N_4 - N_5N_6 - N_7N_8N_9 - N_{10}N_{11} - K$

Trong đó:

- Chữ số đầu N_1 là Cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Ba chữ số tiếp theo $N_2N_3N_4$ là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo Quyết định số 28/1998/QĐ-TCTK ngày 24-1-1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

- Hai chữ số tiếp theo N_5N_6 là mã huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (theo Quyết định số 28/1998/QĐ-TCTK ngày 24-1-1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

- Ba chữ số tiếp theo $N_7N_8N_9$ là Chương ngân sách thể hiện tên đơn vị đứng đầu thuộc Cấp ngân sách (hay còn gọi là đơn vị dự toán cấp I).

- Hai chữ số tiếp theo $N_{10}N_{11}$ là số thứ tự của các đơn vị dự toán cấp II, III, IV, ... thuộc chương $N_7N_8N_9$ trên địa bàn huyện.

- Chữ số cuối cùng K là số kiểm tra. Số kiểm tra được tính theo công thức tại Phụ lục số 1 kèm theo Quyết định này.

8.4. Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách xã: cấu trúc mã số gồm 9 chữ số bố trí như sau:

$N_1 - N_2N_3N_4 - N_5N_6 - N_7N_8 - K$

Trong đó:

- Chữ số đầu N_1 là Cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Ba chữ số tiếp theo $N_2N_3N_4$ là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo Quyết định số 28/1998/QĐ-TCTK ngày 24-1-1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

- Hai chữ số tiếp theo N_5N_6 là mã huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (theo Quyết định số 28/1998/QĐ-TCTK ngày 24-1-1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

- Hai chữ số tiếp theo N_7N_8 là mã xã, phường, thị trấn trực thuộc huyện (theo Quyết định số 28/1998/QĐ-TCTK ngày 24-1-1998 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Chữ số cuối cùng K là số kiểm tra. Số kiểm tra được tính theo công thức tại Phụ lục số 1 kèm theo Quyết định này.

Điều 9. Mẫu đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và các chỉ tiêu quản lý.

Nhằm quản lý thống nhất các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên cả nước, nâng cao hiệu quả công tác quản lý ngân sách nhà nước từ khâu lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách, Bộ Tài chính ban hành 2 mẫu đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và 1 mẫu các chỉ tiêu quản lý kèm theo Quyết định này:

- Mẫu số 1-MSNS-BTC (trên khổ giấy A4): "Tờ khai đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước"dùng cho tất cả các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước kê khai.

- Mẫu số 2-MSNS-BTC (trên khổ giấy A3): "Bảng thống kê đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước" dùng cho các đơn vị dự toán cấp I của các cấp ngân sách để thống kê các đơn vị cấp dưới.

- Mẫu số 3-MSNS-BTC (trên khổ giấy A4): "Các chỉ tiêu quản lý" bao gồm các chỉ tiêu quản lý về tài sản cố định và biên chế tiền lương, các chỉ tiêu quản lý theo 8 loại hình đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 10. Giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cho đơn vị sử dụng ngân sách theo mẫu "Giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước" kèm theo Quyết định này.

Điều 11. Sử dụng mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Hệ thống mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu được sử dụng thống nhất trong cả nước từ ngày 01 tháng 1 năm 2002.

Các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các cơ quan tài chính và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm sử dụng mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định cụ thể sau:

11.1. Đối với đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Mỗi đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng một mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước duy nhất của mình cho mọi hoạt động giao dịch về ngân sách nhà nước, và phải ghi mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước của mình trên mọi giấy tờ giao dịch, sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ, báo cáo liên quan tới việc sử dụng ngân sách nhà nước.

Đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước khi chấm dứt hoạt động phải thông báo với cơ quan tài chính đã cấp mã số để hủy bỏ mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

11.2. Đối với Bộ Tài chính và cơ quan tài chính các cấp.

Bộ Tài chính và cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm sử dụng mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để quản lý việc lập dự toán chi tiêu ngân sách nhà nước, cấp phát ngân sách nhà nước và theo dõi việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Các chứng từ giao dịch như: thông tri duyệt y dự toán, lệnh chi, giấy rút hạn mức kinh phí và các chứng từ khác liên quan tới việc sử dụng ngân sách nhà nước phải được bổ sung phần mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Cơ quan Tài chính, Kho bạc, quản lý công sản các cấp chịu trách nhiệm cập nhật mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước của từng đơn vị vào hệ thống kiểm soát, thanh toán và chi trả ngân sách nhà nước và vào hệ thống thông tin quản lý tài sản. Từng bước thực hiện thống nhất việc trao đổi, sử dụng thông tin về đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong toàn ngành Tài chính.

11.3. Đối với các Bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Các Bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

phố trực thuộc Trung ương (các địa phương) có trách nhiệm cập nhật mã số và thông tin về các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi mình quản lý vào hệ thống thông tin dữ liệu của Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương đó. Từng bước thực hiện thống nhất việc trao đổi thông tin giữa các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương trong cả nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Cấp tờ khai đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và các chỉ tiêu quản lý.

Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các Bộ, các cơ quan Trung ương và các Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức việc cấp phát và hướng dẫn kê khai theo các mẫu quy định tại Điều 9 của Quy định này.

Các Bộ, các cơ quan Trung ương chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, trực tiếp cấp tờ khai đăng ký và kê khai các chỉ tiêu quản lý cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách trung ương.

Các Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, thành phố theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, trực tiếp cấp tờ khai đăng ký và kê khai các chỉ tiêu quản lý cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách tỉnh; hướng dẫn Phòng Tài chính huyện tổ chức việc cấp phát và hướng dẫn kê khai theo các mẫu quy định tại Điều 9 của Quy định này cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách huyện.

Các Phòng Tài chính huyện chịu trách nhiệm triển khai thực hiện trên địa bàn huyện, trực tiếp cấp tờ đăng ký và kê khai các chỉ tiêu quản lý cho các đơn vị thuộc cấp ngân sách huyện.

Điều 13. Đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và kê khai các chỉ tiêu quản lý.

13.1. Đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Các đơn vị thuộc cấp ngân sách trung ương kê khai đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách theo mẫu số 01-MSNS-BTC, sau đó nộp lại cho Bộ, cơ quan Trung ương quản lý đơn vị đó. Các Bộ, cơ quan Trung ương tổng hợp và xác nhận vào bảng thống kê theo mẫu số 02-MSNS-BTC, sau đó gửi toàn bộ về Bộ Tài chính (Ban Quản lý ứng dụng tin học) để được cấp mã số (đối với các Bộ, cơ quan Trung ương không cần có phần xác nhận của cơ quan tài chính trong mẫu số 02-MSNS-BTC).

Các đơn vị thuộc cấp ngân sách tỉnh thực hiện kê khai theo mẫu số 01-MSNS-BTC, sau đó nộp lại cho các cơ quan chủ quản (là các Sở, Hội, ngành nghề chủ quản... thuộc cấp ngân sách tỉnh). Các cơ quan chủ quản thuộc cấp ngân sách tỉnh tập hợp toàn bộ tờ đăng ký và lập bảng thống kê theo mẫu số 02-MSNS-BTC gửi về Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố để được cấp mã số.

Các đơn vị thuộc cấp ngân sách huyện kê khai theo mẫu số 01-MSNS-BTC, sau đó nộp lại cho Phòng Tài chính huyện. Phòng Tài chính huyện tập hợp toàn bộ tờ khai đăng ký, lập bảng thống kê theo mẫu số 02-MSNS-BTC gửi cho Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố để được cấp mã số.

13.2. Kê khai các chỉ tiêu quản lý.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các đơn vị phải ghi mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước của mình vào mẫu số 03-MSNS-BTC, đồng thời thực hiện việc kê khai các chỉ tiêu quản lý có trong mẫu này. Mỗi đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có phát sinh hoạt động thuộc loại hình sự nghiệp nào thì kê khai vào những mẫu biểu phù hợp với loại hình sự nghiệp đó.

Các đơn vị có trách nhiệm gửi bản kê khai các chỉ tiêu quản lý theo mẫu số 03-MSNS-BTC cho Bộ Tài chính nếu là đơn vị thuộc ngân sách trung ương hoặc Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố nếu là đơn vị thuộc ngân sách địa phương, chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Từ năm 2002 trở đi, các đơn vị có trách nhiệm kê khai bổ sung (nếu có thay đổi) các chỉ tiêu quản lý theo mẫu số 03-MSNS-BTC gửi Bộ Tài chính nếu là đơn vị thuộc ngân sách trung ương hoặc Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố nếu là đơn vị thuộc ngân sách địa phương vào tháng 3 hàng năm. Các Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố có trách nhiệm cập nhật các chỉ tiêu quản lý vào hệ thống thông tin quản lý của Sở, đồng thời chuyển dữ liệu lên cho Bộ Tài chính chậm nhất là vào ngày 30 tháng 4 hàng năm.

Điều 14. Cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và gửi giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cho đơn vị sử dụng ngân sách trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được tờ khai đăng ký mã số hợp lệ. Khi nhận được tờ khai đăng ký mã số của đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, cơ quan tài chính tiến hành kiểm tra các thông tin trên tờ khai, liên hệ với đơn vị để bổ sung, sửa đổi (nếu cần thiết).

Bộ Tài chính có trách nhiệm cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cho các đơn vị thuộc ngân sách trung ương. Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cho các đơn vị thuộc ngân sách địa phương.

Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc cấp một mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước duy nhất cho một đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Đơn vị khi có quyết định giải thể hoặc chấm dứt hoạt động thì mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp sẽ không được sử dụng và không được dùng lại để cấp cho đơn vị khác.

Đơn vị mới được thành lập phải tiến hành đồng thời đăng ký cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước theo các mẫu quy định tại Điều 9. Đối với đơn vị thuộc cấp ngân sách trung ương phải gửi tờ đăng ký mã số tới Bộ Tài chính (Ban Quản lý ứng dụng tin học) để được cấp mã số. Đối với đơn vị thuộc cấp ngân sách địa phương phải gửi tờ đăng ký mã số tới Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để được cấp mã số.

Việc cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước lần đầu trên phạm vi cả nước phải hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2001.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Các đơn vị vi phạm quy định về kê khai đăng ký cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

Các loại hóa đơn chứng từ, giấy tờ giao dịch, sổ sách kế toán, báo cáo liên quan tới việc sử dụng ngân sách nhà nước nếu không ghi mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước sẽ bị coi là không hợp lệ khi thực hiện việc kiểm soát chi ngân sách nhà nước./.

Bộ trưởng Bộ Tài chính

NGUYỄN SINH HÙNG

Phụ lục số 1

PHƯƠNG PHÁP TÍNH SỐ KIỂM TRA TRONG MÃ SỐ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Trong cấu trúc mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, K là số kiểm tra giúp cho người nhập mã số vào máy tính có thể phát hiện ngay việc nhập mã số có đúng hay không. Chữ số này được xây dựng theo nguyên tắc sau:

$$K = \Sigma(N_i * S_i) \text{ Mod } 10$$

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Trong đó:

- N_i là các chữ số của mã số
- S_i là các số nguyên tố
- Mod là toán tử lấy số dư của phép chia

Tức là các chữ số N_1, N_2, N_3, N_4, N_5, N_6, N_7, N_8, N_9, N_{10}, N_{11} được nhân với các số nguyên tố như sau: N_1 nhân với 37, N_2 nhân với 31, N_3 nhân với 29, N_4 nhân với 23, N_5 nhân với 19, N_6 nhân với 17, N_7 nhân với 13, N_8 nhân với 11, N_9 nhân với 7, N_{10} nhân với 5, N_{11} nhân với 3. Lấy tổng các tích số này chia cho 10, số dư tìm được là số kiểm tra.

Ví dụ: Dãy số dự kiến cấp mã của Kho bạc nhà nước trung ương là 1018001, số kiểm tra được tính như sau:

K = (1*37 + 0*31 + 1*29 + 8*23 + 0*19 + 0*17 + 1*13)mod 10 = 3.

Vậy mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước của Kho bạc nhà nước trung ương là: 10180013.

THÔNG TƯ số 112/2000/TT-BTC ngày 21/11/2000 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch.

Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp, quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 57/2000/QĐ-BTC ngày 20/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mức lệ phí đăng ký hộ tịch;

Sau khi có ý kiến của Bộ Tư pháp (Công văn số 1265-TP/HT ngày 25/7/2000; Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Lệ phí đăng ký hộ tịch khoản thu của ngân sách nhà nước nhằm mục đích bù đắp một phần chi phí cho các hoạt động quản lý nhà nước về đăng ký hộ tịch.

2. Cơ quan, đơn vị tổ chức thu lệ phí đăng ký hộ tịch được trích 30% trên tổng số lệ phí thu được để chi cho các hoạt động phục vụ cho việc tổ chức thu lệ phí đăng ký hộ tịch. Số thu còn lại (70%) phải nộp vào ngân sách nhà nước theo Chương, loại, khoản, mục và tiểu mục của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Cơ quan, đơn vị tổ chức thu lệ phí phải lập dự toán thu - chi lệ phí đăng ký hộ tịch hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ quan, đơn vị tổ chức thu lệ phí phải mở sổ sách theo dõi và quyết toán số lệ phí thu được theo quy định hiện hành.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Nội dung chi:

1.1. Chi phí tiền công và các khoản phụ cấp theo tiền công trả cho lao động thuê ngoài (kể cả thuê chuyên gia, tư vấn) thực hiện việc thu lệ phí theo chế độ quy định (nếu có).

1.2. Chi trả phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ cho cán bộ trực tiếp làm công tác đăng ký hộ tịch theo chế độ quy định (nếu có).

1.3. Chi phí in ấn (mua) các biểu mẫu hộ tịch (kể cả biểu mẫu cho những việc đăng ký hộ tịch không quy định thu lệ phí như đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ).

1.4. Chi hỗ trợ việc xác minh (khi phải phối hợp với các cơ quan khác) chi niêm yết, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

1.5. Trích quỹ khen thưởng cho cán bộ hộ tịch - tư pháp có thành tích trong quản lý đăng ký

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09660654